

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 6- 2020

V/v“*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thơm;

Ông Chu Ngọc Trọng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn: Ông Hà Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 183/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐHPT-HNGĐST ngày 16/6/2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T – sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Khu phố Hoan Kính, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc H – sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Khu phố Minh Cát, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2019; bản tự khai ngày 13/01/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Khắc H kết hôn với nhau năm 2014 do hai bên tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Kể từ sau khi

kết hôn tình cảm vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc và sinh được cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 06/12/2014. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Nguyễn Khắc H.

Về vấn đề nuôi con chung: Anh H và chị T, sinh được một người con chung cháu tên là Nguyễn Thị V, sinh ngày 06/12/2014, nguyện vọng chị T, sau khi ly hôn là được nuôi cháu V và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3000,000đ (ba triệu đồng).

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Khắc H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh H, đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, anh H tự từ chối thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh về nơi cư trú của anh H: Anh H có đăng ký tại khu phố Minh Cát, phường Q, thành phố S, hàng ngày anh H, đi làm ở phường Q, thành phố S, tối anh H mới về nhà.

Xác minh về tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương cho biết: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Khắc H có đăng ký tạm trú tại khu phố Minh Cát, phường Q, thành phố S. Quá trình chung sống đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án hòa giải và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái cho tốt. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H đều vắng mặt không có lý do. Do đó việc tiến hành hòa giải giữa các đương sự là không thể thực hiện được. Vì vậy, vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo qui định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

Trong phần tranh tụng tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T, xử cho chị Lê Thị T được ly hôn đối với anh Nguyễn Khắc H.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị giao cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 06/12/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Trang và anh Hoàng phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa và vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được qui định tại khoản 1 Điều 207 của BLTTDS. Việc quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự là phù hợp đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Khắc H, tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống địa phương, tại thời điểm kết hôn chị T và anh H, đủ điều kiện kết hôn theo qui định tại điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/01/2014 là phù hợp với qui định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân chị T và anh H, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu đơn khởi kiện của chị Lê Thị T:* Nguyên nhân chị T làm đơn xin ly hôn anh H, là do nghi anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, kể từ đó vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau và thường xuyên cãi vã, bất đồng quan

điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, kể từ tháng 3/2019 vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích cho chị T biết: Ly hôn là mặt trái của xã hội và khuyên chị T quay về đoàn tụ với anh H để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái cho tốt. Chị T cho biết chị cũng đã suy nghĩ ly hôn là sẽ làm ảnh hưởng đến con cái, nhưng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh H không có triển vọng tốt đẹp, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin ly hôn anh H. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là cần thiết.

[4] *Về quyền nuôi con chung*: Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 06/12/2014. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3000.000đ/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, nhưng sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, chị T xét thấy anh H hiện nay là lao động tự do thu nhập không ổn định nên chị chỉ yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ. Xét thấy, nguyện vọng của chị T là phù hợp với mức thu nhập lao động tự do của anh H nên cần được xem xét chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Lê Thị T, phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Nguyễn Khắc H, phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 203; khoản 1 Điều 207; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Trang, chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Khắc H.

Về quyền nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị V, sinh ngày 06/12/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Khắc H, phải có nghĩa vụ

cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh H, không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với chị Trang, anh Hoàng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị T, phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006089 ngày 9/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (chị Trang đã nộp đủ tiền án phí); anh Nguyễn Khắc H, phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Lê Thị T, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Khắc H. Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Khắc H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc kể từ khi bản án được niêm yết công khai tại UBND phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADSTP S;
- UBND. P. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Thuyên